

Bản án số: 395/2026/DS-PT

Ngày: 27-3-2026

Về việc “tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Ngọc Yên

Bà Hoàng Thị Thuý Lành

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Ngọc Nhân, *Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.*

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho, *Kiểm sát viên.*

Ngày 27 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2025/TLPT-DS ngày 02 tháng 02 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 373/2025/DS-ST ngày 26 tháng 09 năm 2025 Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 765/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp B, xã M, tỉnh Tây Ninh. (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm: 1977 - Luật sư Văn phòng L – Đoàn luật sư tỉnh T.

Địa chỉ: Số B, đường số A, Phường L, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Ông Trần Phương Đ, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp B, xã M, tỉnh Tây Ninh. (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Lê Minh T, sinh năm: 1973 - Công ty L1 – Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Quang B, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp B, xã M, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Phạm Văn P, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp B, xã M, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

2. Bà Trần Thị Ngọc T1, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Ấp B, xã M, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Phương Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 09/5/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Thu H trình bày: Bà và ông Trần Phương Đ là họ hàng với nhau. Vào khoảng tháng 06 năm 2022, do có quan hệ quen biết nên bà có cho ông Đ vay tổng số tiền 6.000.000.000 đồng, cụ thể: ngày 01/6/2022 bà cho ông Đ vay 2.000.000.000 đồng và ngày 15/7/2022 bà tiếp tục cho ông Đ vay 4.000.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất theo mức lãi suất của Ngân hàng N1 quy định. Do tin tưởng và là chỗ họ hàng nên giữa hai bên không lập hợp đồng vay tiền bằng văn bản đối với khoản vay 4.000.000.000 đồng, tuy nhiên bà có lưu giữ đoạn ghi âm thể hiện việc ông Đại thừa N có vay tiền của bà.

Theo bà H trình bày, khi ông Đ vay tiền thì vợ ông Đ là bà Võ Thị Thu T2 có biết sự việc. Sau khi đến hạn trả nợ, bà đã nhiều lần yêu cầu ông Đ thanh toán khoản tiền đã vay nhưng ông Đ chỉ hứa hẹn kéo dài và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đồng thời cố tình né tránh bà. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Phương Đ và bà Võ Thị Thu T2 phải liên đới trả cho bà số tiền đã vay là 6.000.000.000 đồng và tiền lãi tính theo mức 1,66%/tháng, tạm tính từ ngày 01/6/2022 đến ngày 01/5/2024 (23 tháng) là 2.290.800.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 8.290.800.000 đồng.

Ngày 27/8/2024, bà H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó bà chỉ yêu cầu ông Trần Phương Đ có nghĩa vụ trả tiền vay và tiền lãi, không yêu cầu bà Võ Thị Thu T2 liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H trình bày bổ sung: bà yêu cầu ông Đ phải thanh toán cho bà số tiền gốc là 6.000.000.000 đồng và tiền lãi được tính như sau: Đối với khoản tiền 4.000.000.000 đồng, lãi suất 1,66%/tháng, tính từ ngày 01/6/2022 đến ngày 26/9/2025, tương ứng 39 tháng 25 ngày, số tiền lãi là 2.644.933.333 đồng; Đối với khoản tiền 2.000.000.000 đồng, trước đây bà yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng, tuy nhiên nay bà chỉ yêu cầu tính lãi theo mức 1,2%/tháng theo giấy mượn tiền ngày 15/7/2022, tính từ ngày 15/7/2022 đến ngày 26/9/2025, tương ứng 38 tháng 11 ngày, số tiền lãi là 920.800.000 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi mà bà yêu cầu ông Đ phải thanh toán là 9.565.733.333 đồng.

Bị đơn ông Trần Phương Đ trình bày: Ông xác nhận ông là cháu họ của bà Trần Thị Thu H. Ông có vay của bà H tổng số tiền 6.000.000.000 đồng, tuy nhiên ông cho rằng bà H không trực tiếp giao tiền cho ông mà chỉ bảo lãnh cho ông tham gia cá cược (đánh bài qua mạng internet) do ông Phạm Văn P tổ chức. Trong số tiền này, có 2.000.000.000 đồng là tiền của ông Trần Quang B, còn 4.000.000.000 đồng là tiền của bà H. Khi vay tiền, ông không có thể chấp tài sản. Hai bên có thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng. Đối với khoản vay 2.000.000.000 đồng, ông có ký giấy mượn tiền với ông B, trong đó ghi rõ thời hạn vay là 02 tháng.

Theo ông Đ trình bày, bà H chỉ đứng ra bảo lãnh cho ông chơi bài trên mạng với số tiền 6.000.000.000 đồng, chứ không trực tiếp giao tiền cho ông. Đối với khoản tiền vay 2.000.000.000 đồng, ông B đã thu trước của ông 240.000.000 đồng tiền lãi.

Ông cho rằng việc vay tiền này vợ ông là bà Võ Thị Thu T2 không biết. Nay bà H khởi kiện yêu cầu ông trả tiền thì ông không đồng ý vì cho rằng bản chất giao dịch không phải là vay tiền như bà H trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang B trình bày: Ông và bà Trần Thị Thu H có quan hệ bạn bè. Vào ngày 15/7/2022, bà H có đến gặp ông và bảo lãnh cho ông Trần Phương Đ vay số tiền 2.000.000.000 đồng. Khi đó hai bên có lập giấy mượn tiền ngày 15/7/2022. Tại thời điểm cho vay, ông giao cho ông Đ 1.900.000.000 đồng, đến ngày 16/7/2022 ông tiếp tục giao thêm 100.000.000 đồng, tổng cộng là 2.000.000.000 đồng. Kể từ khi vay tiền đến nay, ông Đ không thanh toán cho ông bất kỳ khoản tiền gốc và lãi nào.

Tuy nhiên, do khoản vay này là do bà H đứng ra bảo lãnh, nên nếu có tranh chấp thì ông sẽ yêu cầu bà H chịu trách nhiệm trong một vụ án khác. Trong vụ án này, ông không có yêu cầu gì đối với ông Đ.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn P1 trình bày: Ông không có quan hệ họ hàng hay làm ăn gì với ông Trần Phương Đ và bà Trần Thị Thu H. Khoảng tháng 5/2022, ông Đ có tham gia cá cược (đánh bài qua mạng) do ông tổ chức và còn thiếu của ông số tiền 4.000.000.000 đồng.

Sau đó, ông Đ rủ ông cùng đến nhà bà H để vay tiền nhằm trả khoản nợ này. Tại đây, bà H đồng ý cho vay tiền và sau đó ông nhận đủ số tiền 4.000.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, ông rời đi. Ông không biết giữa bà H và ông Đ có lập giấy vay tiền hay thỏa thuận gì khác hay không. Trong vụ án này, ông không có yêu cầu hay ý kiến gì.

Người làm chứng bà Trần Thị Ngọc T1 trình bày: Bà là con của ông Trần Phương Đ và bà Võ Thị Thu T2. Trước đây, bà có chuyển tiền cho bà Trần Thị Thu H, cụ thể: Ngày 22/12/2021 chuyển 33.000.000 đồng; Ngày 21/01/2022 chuyển 30.000.000 đồng; Ngày 09/3/2022 chuyển 34.000.000 đồng. Theo bà T1, đây là tiền lãi do ông Đ trả cho bà H. Ngoài ra, sau đó ông Đ còn giao cho bà H 02 căn nhà và đất. Tuy nhiên, bà cho rằng những khoản tiền này không liên quan đến vụ án đang được giải quyết. Bà xác định không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này và đề nghị Tòa án không đưa bà tham gia tố tụng.

Tại Bản án sơ thẩm số 337/2025/DS-ST ngày 26 tháng 09 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh đã tuyên:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 468 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với ông Trần Phương Đ.

Buộc ông Trần Phương Đ có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Thu H số tiền là 9.565.733.333 đồng (Chín tỷ, năm trăm sáu mươi lăm triệu, bảy trăm ba mươi ba ngàn, ba trăm ba mươi ba đồng). Trong đó, bao gồm số tiền gốc là 6.000.000.000 đồng và tiền lãi suất là 3.565.733.333 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 26/9/2025 bị đơn ông Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Ông cho rằng bản án có nhiều sai sót về trình tự tố tụng và đánh giá chứng cứ, nội dung bản án không đúng sự thật, không có căn cứ chứng minh việc ông vay tiền bà H. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án, sửa bản án sơ thẩm hoặc hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ mới.

Nguyên đơn bà Trần Thị Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Trần Phương Đ thanh toán số tiền gốc đã vay là 6.000.000.000 đồng và tiền lãi theo mức bà đã yêu cầu. Bà đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Bị đơn ông Trần Phương Đ ông không đồng ý với toàn bộ bản án sơ thẩm, cho rằng cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm về trình tự tố tụng, việc đánh giá chứng cứ chưa khách quan, toàn diện, nội dung bản án không đúng sự thật khách quan của vụ án. Ông cho rằng không có căn cứ xác định ông vay tiền của bà H như nguyên đơn trình bày, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trường hợp cần thiết thì hủy án sơ thẩm để giải quyết lại.

Luật sư Nguyễn Minh C bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đối với khoản tiền 2.000.000.000 đồng, mặc dù giấy mượn tiền thể hiện giữa ông Trần Quang B và ông Đ, nhưng căn cứ lời khai thống nhất của các đương sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì đây là khoản tiền bà H đứng ra bảo lãnh cho ông Đ vay, hơn nữa, chính ông Đ cũng thừa nhận có vay khoản tiền này, nên cấp sơ thẩm buộc ông Đ hoàn trả cho bà H là có căn cứ.

Đối với khoản tiền 4.000.000.000 đồng, tuy không lập thành văn bản, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông Đ nhiều lần thừa nhận việc vay tiền. Lời khai của người làm chứng ông P1 và đoạn ghi âm do nguyên đơn cung cấp đều phù hợp với lời trình bày của bà H. Ông Đ cho rằng đây là giao dịch liên quan đến việc cá cược qua mạng nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ hợp pháp chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Lê Minh T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Bản án dân sự sơ thẩm chưa đánh giá đầy đủ, khách quan chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Đối với khoản tiền 4.000.000.000 đồng, không có hợp đồng vay, không có giấy nhận tiền, nguyên đơn chỉ dựa vào lời khai của mình để cho rằng đây là khoản vay, thực chất đây là khoản tiền liên quan đến việc bà H bảo lãnh cho ông Đ tham gia cá cược qua mạng, không phải quan hệ vay tài sản.

Đối với khoản tiền 2.000.000.000 đồng, giấy mượn tiền thể hiện quan hệ vay giữa ông Đ và ông Trần Quang B, không phải giữa ông Đ với bà H. Vì vậy, việc cấp sơ thẩm buộc ông Đ thanh toán khoản tiền này cho bà H là không có căn cứ. Ngoài ra, cấp sơ thẩm chưa xem xét việc ông Đ đã thanh toán lãi cho bà H và chưa thu thập đầy đủ

chứng cứ. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ tại cơ quan điều tra liên quan đến vụ việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến cho rằng:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng và xét xử vắng mặt bị đơn được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của ông Trần Phương Đ thực hiện trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định giữa bà Trần Thị Thu H và ông Trần Phương Đ có phát sinh quan hệ vay tài sản đối với số tiền 6.000.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần tiền gốc là có căn cứ. Đối với kháng cáo của bị đơn cho rằng không có việc vay tiền, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên không chấp nhận.

Tuy nhiên, đối với phần lãi suất, do các bên không chứng minh được rõ mức lãi thỏa thuận, cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ mức lãi theo yêu cầu của nguyên đơn là chưa phù hợp. Cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự để xác định lại mức lãi suất 0,83%/tháng.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Phương Đ, sửa bản án dân sự sơ thẩm điều chỉnh lại lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Trần Phương Đ làm đúng theo quy định tại các 271, 272, Điều 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang B và người làm chứng bà Trần Thị Ngọc T1 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[1.3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Bị đơn ông Trần Phương Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án theo quy định tại Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Về quan hệ pháp luật: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Trần Phương Đ, thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị Thu H cho rằng ông Trần Phương Đ đã vay của bà tổng số tiền 6.000.000.000 đồng, gồm hai khoản vay 4.000.000.000 đồng và 2.000.000.000 đồng. Các chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện, lời khai của các đương sự, người làm chứng và tài liệu thu thập được đều thể hiện có việc ông Đ vay tiền của bà H.

[2.1] Đối với khoản vay 2.000.000.000 đồng: Căn cứ Giấy mượn tiền ngày 15/7/2022 và sự thừa nhận của bị đơn về việc vay tiền thể hiện ông Trần Phương Đ vay số tiền 2.000.000.000 đồng. Mặc dù giấy vay tiền thể hiện giao dịch giữa ông Đ và ông Trần Quang B, tuy nhiên qua lời khai ông B, ông Đ và bà H tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, ông B và bà H đều thống nhất việc ông B giao tiền cho ông Đ là do bà H bảo lãnh. Mặt khác, Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2024 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh , chính ông Đ cũng thừa nhận có vay số tiền này. Theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, những tình tiết, sự kiện mà đương sự đã thừa nhận thì không phải chứng minh. Do đó, cấp sơ thẩm xác định ông Đ có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vay 2.000.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Đối với khoản vay 4.000.000.000 đồng, ông Đ cho rằng bà H không giao tiền cho ông mà chỉ bảo lãnh cho ông tham gia cá cược qua mạng. Tuy nhiên, ông Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ hợp pháp nào chứng minh cho lời trình bày này. Ngược lại, lời khai của ông Trần Phương Đ ngày 18/6/2024 trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, ông Đại thừa N có vay của bà Trần Thị Thu H số tiền 6.000.000.000 đồng, trong đó 2.000.000.000 đồng là khoản vay từ ông Trần Quang B và 4.000.000.000 đồng là tiền của bà H. Đồng thời, ông Đ cũng xác nhận khoản tiền 4.000.000.000 đồng được sử dụng để thanh toán nghĩa vụ nợ của ông. Như vậy, chính bị đơn đã thừa nhận việc nhận số tiền nêu trên. Theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, những tình tiết, sự kiện mà đương sự đã thừa nhận thì không phải chứng minh.

Ngoài ra, lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Văn P1 thể hiện việc ông Đ có nợ tiền cá cược và đã cùng ông P1 đến gặp bà H để vay tiền nhằm thanh toán khoản nợ này. Sau khi bà H đồng ý cho vay, ông P1 đã nhận đủ số tiền 4.000.000.000 đồng. Nội dung lời khai này phù hợp với lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bên cạnh đó, đoạn ghi âm do bà Trần Thị Thu H cung cấp thể hiện nội dung trao đổi giữa bà H và ông Đ, trong đó ông Đ có nội dung thừa nhận việc vay tiền của bà H. Mặc dù đoạn ghi âm này không thể hiện cụ thể số tiền vay, nhưng đây là nguồn chứng cứ điện tử theo quy định tại Điều 94 và Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, có giá trị chứng minh việc giữa các bên có phát sinh giao dịch vay tiền.

Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ không có ý kiến phản đối về tính xác thực của đoạn ghi âm, cũng không yêu cầu giám định hoặc cung cấp chứng cứ chứng minh nội dung ghi âm bị chỉnh sửa. Do đó, có cơ sở xem xét đoạn ghi âm này cùng với các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Mặt khác, theo Công văn số 434/CSKT ngày 22/9/2025 của Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường - Công an tỉnh T, xác định vụ việc nêu trên là quan hệ giao dịch dân sự, không có dấu hiệu tội phạm và không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan điều tra Công an tỉnh T. Do đó, có đủ cơ sở xác định giữa bà Trần Thị Thu H và

ông Trần Phương Đ có phát sinh quan hệ vay tài sản vào ngày 15/7/2022. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông Đ phải trả cho bà H số tiền 4.000.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[2.3] Về lãi suất: Xét thấy, đối với cả hai khoản vay 2.000.000.000 đồng và 4.000.000.000 đồng, giữa nguyên đơn và bị đơn có sự tranh chấp về mức lãi suất thỏa thuận. Nguyên đơn cho rằng lãi suất đối với khoản vay 4.000.000.000 đồng là 1,66%/tháng và đối với khoản vay 2.000.000.000 đồng là 1,2%/tháng. Trong khi bị đơn không thừa nhận nội dung này cho rằng lãi suất bà H cho vay từ 5%/tháng đến 15%/tháng. Quá trình giải quyết vụ án, các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh có thỏa thuận rõ ràng, cụ thể về mức lãi suất như nguyên đơn trình bày. Do đó, đây là trường hợp có tranh chấp về lãi suất, nên cần xác định lãi theo mức 0,83%/tháng 10% năm theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với khoản tiền 2.000.000.000 đồng, thời gian tính lãi từ ngày 15/7/2022 đến ngày 26/9/2025 là 38 tháng 11 ngày, tiền lãi được xác định là 636.886.666 đồng.

Đối với khoản tiền 4.000.000.000 đồng, thời gian tính lãi từ ngày 01/6/2022 đến ngày 26/9/2025 là 39 tháng 25 ngày, tiền lãi được xác định là 1.322.466.666 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 1.959.353.332 đồng, cộng với số tiền gốc 6.000.000.000 đồng. Tổng cộng bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 7.959.353.332 đồng.

[2.4] Đối với ý kiến bị đơn cho rằng đã trả lãi đối với số tiền vay, thấy rằng:

Ông Đ cho rằng đã trả lãi cho bà H, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc thanh toán này và cũng không có yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu khấu trừ trong vụ án. Theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chỉ giải quyết trong phạm vi yêu cầu của đương sự.

[2.5] Trong vụ án này, ông Trần Quang B xác định không có tranh chấp gì với ông Đ và không có yêu cầu độc lập đối với ông Đ. Đồng thời, ông B cũng xác định nếu phát sinh tranh chấp thì ông sẽ khởi kiện bà H trong một vụ án khác.

Theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chỉ giải quyết vụ việc trong phạm vi yêu cầu của đương sự. Do đó, việc cấp sơ thẩm xác định ông B không có quyền khởi kiện ông Đ trong vụ án này và không xem xét quan hệ tranh chấp giữa ông B với bà H là đúng quy định pháp luật.

[2.6] Về kháng cáo của bị đơn cho rằng bản án sơ thẩm đánh giá chứng cứ không khách quan và không có căn cứ chứng minh việc vay tiền và đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ tại cơ quan điều tra. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, trong hồ sơ vụ án có đầy đủ lời khai của các đương sự, người làm chứng và tài liệu chứng cứ thể hiện việc vay tiền giữa các bên nên không chấp nhận yêu cầu này của bị đơn.

[3] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Trần Phương Đ, sửa bản án dân sự sơ thẩm giữ nguyên phần nợ gốc, điều chỉnh lại phần tiền lãi. Buộc ông Trần Phương Đ có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị Thu H số tiền 7.959.353.332 đồng, trong đó tiền gốc là 6.000.000.000 đồng, tiền lãi là 1.959.353.332 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Phương Đ phải chịu 115.959.353 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán cho bà Trần Thị Thu H; bà Trần Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu tiền lãi không được chấp nhận là 60.191.400 đồng, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Đ được chấp nhận một phần, sửa án sơ thẩm nên ông Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Phương Đ.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 337/2025/DS-ST ngày 26 tháng 09 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Tây Ninh về lãi suất.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 148, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 468 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu H đối với ông Trần Phương Đ về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Trần Phương Đ có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị Thu H số tiền là 7.959.353.332 đồng (Bảy tỷ, chín trăm năm mươi chín triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi hai đồng), Trong đó gồm tiền gốc 6.000.000.000 (sáu tỷ đồng), tiền lãi là 1.959.353.332 (một tỷ, chín trăm năm mươi chín triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi hai đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu H đối với ông Trần Phương Đ đối với số tiền lãi là 1.606.380.001 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Phương Đ phải chịu 115.959.353 (một trăm mười lăm triệu, chín trăm năm mươi chín nghìn, ba trăm năm mươi ba đồng).

Bà Trần Thị Thu H phải chịu 60.191.400 đồng (sáu mươi triệu, một trăm chín mươi một nghìn, bốn trăm đồng) nhưng được khấu trừ 58.145.000 (năm mươi tám triệu, một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004665 ngày 24/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hoà (nay là Phòng thi hành

án khu vực 3 – Tây Ninh). Bà H còn phải nộp tiếp 2.046.400 (hai triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn, bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Phương Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho ông Trần Phương Đ 300.000 (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009405 ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 3 - Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Phòng HCTP-TAND tỉnh TN;
- Phòng GD, TT, KT&THA.TANDTTN;
- Lưu. hồ sơ, lưu trữ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Hằng